

Số: /TTr-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt
Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035,
tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) với các nội dung chính như sau:

**I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã có định hướng quan trọng về quản lý chất thải đến năm 2020, trong đó thúc đẩy tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng từ chất thải; phát triển ngành kinh tế môi trường trên cơ sở ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải.

Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị xác định bảo vệ môi trường phải được đặt ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển. Các nhiệm vụ cần khẩn trương thực hiện gồm: phân loại chất thải tại nguồn, tăng cường năng lực thu gom, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa việc chôn lấp rác thải, xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm tại các bãi thải xung quanh các thành phố lớn.

Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn; xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phát triển ngành công nghiệp tái chế, đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới, đã đặt ra mục tiêu kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, cacbon thấp gắn với đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đồng thời yêu cầu triển khai phân loại chất thải phục vụ tái sử dụng, tái chế, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, giảm mạnh tỉ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; hình thành các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải, nhất là chất thải nhựa, chất thải từ quá trình chuyển đổi xanh; thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị; có cơ chế ưu đãi vượt trội cho các dự án phát triển công nghiệp tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo.

Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW đã cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, trong đó đặt mục tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%, khu vực nông thôn đạt 85%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom dưới 30%. Đồng thời, cụ thể hóa các nhiệm vụ đã được định hướng trong Kết luận số 75-KL/TW nêu trên về phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải; đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, thời hạn thực hiện 2026 - 2027.

Những chủ trương, quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trên là cơ sở chính trị quan trọng để xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ sở pháp lý

Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường đã từng bước được hoàn thiện qua các giai đoạn, trọng tâm là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 với nhiều đổi mới về tư duy và phương thức quản lý môi trường. Luật đã chuyển mạnh từ quản lý chất thải sang quản lý tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tăng cường trách nhiệm của các chủ thể phát sinh chất thải, áp dụng các công cụ kinh tế và huy động nguồn lực xã hội cho công tác bảo vệ môi trường.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 247/2025/QH15 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghị quyết đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến năm 2030 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải nhựa; tăng tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải; giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp; thúc đẩy tái chế và kinh tế tuần hoàn, tạo cơ sở pháp lý và định hướng quan trọng cho việc xây dựng các chiến lược, chương trình, kế hoạch trong giai đoạn tới.

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đã giao Bộ

Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn.

Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới tiếp tục xác định việc xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là nhiệm vụ ưu tiên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2027.

Từ các căn cứ nêu trên, việc xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết, có đầy đủ cơ sở pháp lý, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

3. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Quản lý chất thải đang chuyển dịch từ mô hình quản lý chất thải theo hướng thu gom, xử lý cuối đường ống sang quản lý tài nguyên theo vòng đời, trong đó ưu tiên phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng, tái chế và thu hồi giá trị từ chất thải; chôn lấp và xử lý cuối cùng được xem là giải pháp sau cùng. Kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững, chuyển đổi xanh và phát triển các-bon thấp ngày càng trở thành định hướng chủ đạo trong chính sách quản lý tài nguyên và môi trường của nhiều quốc gia.

Cùng với đó, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), thiết kế sinh thái, tăng tỷ lệ sử dụng vật liệu tái chế, hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần và các sản phẩm khó tái chế ngày càng được áp dụng rộng rãi. Nhiều quốc gia và khu vực đã thiết lập các mục tiêu, tiêu chuẩn và cơ chế kinh tế nhằm thúc đẩy thị trường nguyên liệu thứ cấp, nâng cao hiệu quả tái chế và giảm phụ thuộc vào tài nguyên nguyên sinh.

Sự phát triển nhanh của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, tự động hóa và các hệ thống dữ liệu đang tạo ra những phương thức mới trong phân loại, thu gom, vận chuyển, giám sát và tối ưu hóa dòng chất thải. Đây là cơ sở để chuyển từ quản lý phân tán sang quản lý chất thải dựa trên dữ liệu, liên vùng, liên tỉnh và theo chuỗi giá trị.

Trong nước, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, gia tăng dân số và mức sống tiếp tục làm gia tăng nhanh khối lượng chất thải phát sinh, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh năm 2025 trên toàn quốc khoảng 72.315 tấn/ngày, tăng 7.657 tấn/ngày so với năm 2019. Tuy nhiên, hạ tầng thu gom, tái chế, xử lý chất thải rắn chưa đáp ứng yêu cầu trong thực tiễn. Bên cạnh các dòng chất thải truyền thống, nhiều loại chất thải mới đang gia tăng nhanh như chất thải nhựa, pin và ắc quy, thiết bị điện tử, tấm quang năng và các chất thải phát sinh từ quá trình chuyển đổi xanh nhưng chưa có đủ hạ tầng, công nghệ thu gom, tái chế và xử lý hiệu quả.

Bối cảnh trong nước và quốc tế nêu trên đòi hỏi phải đổi mới tư duy và

phương thức quản lý chất thải theo hướng quản lý tổng hợp. Vì vậy, việc điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn là cần thiết nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian vừa qua và tạo cơ sở định hướng cho công tác quản lý chất thải rắn theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

4. Cơ sở thực tiễn

a) Kết quả đạt được

Qua tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 cho thấy công tác quản lý chất thải đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể:

- Hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý chất thải từng bước được hoàn thiện, các văn bản về quản lý chất thải rắn được ban hành gồm: 01 Luật, 02 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định mang tính quy phạm và 05 Quyết định, chỉ thị định hướng hành động của Thủ tướng Chính phủ được ban hành. Các Bộ đều đã ban hành thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ dẫn, hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến các nội dung về quản lý chất thải rắn. Đến nay, 34/34 tỉnh, thành phố đã ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), quy định về phân loại CTRSH (gồm kế hoạch tổ chức thực hiện phân loại, công văn hướng dẫn phân loại CTRSH).

- Tỷ lệ CTRSH được thu gom, xử lý tăng qua từng năm, hiện nay tỷ lệ CTRSH đô thị được thu gom, xử lý đạt khoảng 97,58% so với lượng CTRSH phát sinh (tăng 5,58% so với năm 2019), tỷ lệ CTRSH nông thôn được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ thấp hơn, khoảng 84,22 % (tăng 18,22 % so với năm 2019). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp giảm dần qua từng năm, hiện nay chiếm tỷ lệ 48,89% (giảm nhiều so với tỷ lệ 71% của năm 2019). Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, xử lý đạt 92,45%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt khoảng 98%. Tỷ lệ chất thải rắn y tế của bệnh viện được xử lý đến nay đạt 98% (tăng 3% so với trước năm 2022). Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý đạt 77,34%. Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm được thu gom, tái sử dụng, tái chế làm phân compost, biogas hoặc xử lý đạt 78,40%. Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu đạt 76,92%. Đối với một số loại CTR đặc thù như tro xỉ, thạch cao, tỷ lệ tái sử dụng ngày càng tăng mạnh. Tro xỉ, thạch cao đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật đã được quản lý như đối với sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng khác.

- Về hạ tầng xử lý chất thải rắn: Hiện nay, có 1.551 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trong đó cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt là 1.178 cơ sở; cơ sở đốt chất thải rắn sinh hoạt có phát điện đang hoạt động là 11 cơ sở (công suất xử lý 10.432 tấn/ngày, công suất phát điện 149,75 MW) và đốt tiêu hủy (không phát điện) là 333 cơ sở; 29 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành mùn, phân hữu cơ; 122 cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cấp phép.

- Về việc thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số: Nhiều mô hình công nghệ tiên tiến về tái chế và xử lý chất thải đã được ứng dụng, nhân rộng và phổ biến. Công tác giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng đã có những chuyển biến tích cực; việc thu hồi, tái chế một số loại chất thải như tro, xỉ, thạch cao tiếp tục được đẩy mạnh. Hoạt động tái chế chất thải, thiết lập hệ thống thu hồi các sản phẩm, bao bì thải bỏ có khả năng tái chế theo cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR) bước đầu đã được triển khai và đạt được kết quả nhất định.

- Công tác quản lý chất thải nhựa được quan tâm. Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã ban hành kế hoạch, chương trình nhằm giảm thiểu chất thải nhựa, nhựa sử dụng một lần và túi nilong khó phân hủy sinh học. Chất thải nhựa phát sinh ra môi trường được giảm đáng kể. Việt Nam cũng đang tích cực tham gia đàm phán thỏa thuận toàn cầu về chống ô nhiễm nhựa.

b) Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác quản lý chất thải rắn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Một số mục tiêu về thu gom, tái chế, xử lý chất thải rắn, cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm do chất thải rắn trong Chiến lược vẫn chưa đạt được yêu cầu, cụ thể là: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp; các bãi chôn lấp chất thải tự phát và các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa được xử lý, cải tạo phục hồi môi trường; chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý; bùn bể tự hoại thu gom của các đô thị được xử lý; chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế; bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp được thu gom, lưu giữ và xử lý,...

- Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân triển khai còn chậm và chưa đồng bộ. Thời gian qua chủ yếu vẫn là xây dựng mô hình, chưa được triển khai trên diện rộng và bền vững nên việc thu hồi, tái chế, tái sử dụng, biến chất thải thành tài nguyên thứ cấp chưa đạt được hiệu quả cao.

- Các địa phương gặp khó khăn về quỹ đất để bố trí điểm tập kết, trung chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nông nghiệp và phụ phẩm nông nghiệp, chất thải rắn xây dựng, phân bùn bể phốt. Hầu hết các tỉnh đều chưa thiết lập được các trung tâm/khu liên hợp, cơ sở tái chế, xử lý chất thải tập trung đủ công suất so với thực tế chất thải phát sinh cho toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh trên địa bàn, đặc biệt thiếu các cơ sở tái chế, xử lý chất thải thực phẩm (chiếm 50 - 60% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh), chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, phân bùn, bể phốt và chất thải rắn xây dựng phát sinh ngày càng nhiều.

- Hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải ở nhiều địa phương vẫn còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn ở khu vực nông thôn, miền núi. Công suất xử lý CTRSH của các cơ sở hiện hữu chưa đáp ứng được khối lượng CTRSH phát sinh, trong khi việc đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng dự án còn thiếu nguồn lực tài

chính, đất đai.

- Công tác quản lý chất thải rắn vẫn còn phân tán theo địa giới hành chính, thiếu liên kết tỉnh, liên kết vùng; việc thống kê, quản lý số liệu chất thải rắn công nghiệp chưa thực sự chính xác và đầy đủ; cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất thải chưa đáp ứng yêu cầu.

- Cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư hạ tầng xử lý chất thải còn nhiều khó khăn; địa phương chưa bố trí đủ ngân sách cho công tác nâng cấp, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh.

Trong bối cảnh lượng chất thải tiếp tục gia tăng, xuất hiện nhiều dòng chất thải mới, yêu cầu thực hiện kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh và các cam kết quốc tế ngày càng cao, những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược được ban hành năm 2018 đã không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Do đó, việc điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn là cần thiết nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay; nâng cao hiệu quả quản lý chất thải theo hướng hiện đại, đồng bộ; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng; giảm chôn lấp trực tiếp; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tuần hoàn, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH

1. Kế thừa, phát huy những kết quả đạt được trong thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn giai đoạn 2018 – 2025, đồng thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới nhằm thay đổi phương thức quản lý chất thải theo hướng hiện đại, đồng bộ, coi chất thải là tài nguyên, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thông qua giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải; phát triển thị trường nguyên liệu thứ cấp, ngành công nghiệp tái chế và công nghiệp môi trường, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải theo hướng phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính; thúc đẩy đầu tư hạ tầng, công nghệ xử lý chất thải hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng dự thảo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn với các hoạt động cụ thể sau:

- Xây dựng Đề cương Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Gửi Công văn số 1636/BNMT-MT ngày 23/02/2026 về việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và đề xuất nội dung chủ yếu cho giai đoạn

đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tới các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

- Tổng hợp, xây dựng hồ sơ dự thảo Chiến lược, gồm: i) Báo cáo Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn; ii) Dự thảo Tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ; iii) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành và Sở Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức các cuộc họp nhóm kỹ thuật, nhóm chuyên gia để xây dựng hồ sơ, dự thảo Chiến lược.

- Đăng tải hồ sơ dự thảo Chiến lược trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và có văn bản gửi lấy ý kiến của các cơ quan, bao gồm: các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (tại Công văn số /BNNMT-MT ngày / /2026). Tính đến hết ngày / /2026, Bộ nhận được văn bản góp ý, bao gồm: Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, ... hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức và chuyên gia, cá nhân với tổng số gần ý kiến đóng góp cho dự thảo Chiến lược.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định được bố cục gồm 04 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Phụ lục I (Các chỉ tiêu thống kê) và Phụ lục II (Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên).

2. Quan điểm

a) Quản lý tổng hợp chất thải rắn là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy giảm thiểu phát sinh chất thải, đẩy mạnh tái sử dụng, tái chế chất thải để phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và phát triển bền vững; chất thải rắn phải được quản lý theo toàn bộ vòng đời chất thải từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng.

b) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên vật liệu, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần nâng cao

sức cạnh tranh của nền kinh tế.

c) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải gắn với công tác quy hoạch bảo vệ môi trường, trong đó quy hoạch quản lý chất thải rắn phải được xây dựng theo hướng liên tỉnh, liên vùng, đảm bảo sự liên kết giữa các địa phương và quản lý thống nhất các loại chất thải rắn phát sinh.

d) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải bảo đảm đồng bộ hạ tầng, công nghệ, hệ thống, thiết bị, phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải gắn với cơ chế thị trường, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn đồng bộ, hiện đại và hiệu quả, quản lý thống nhất các loại chất thải theo toàn bộ vòng đời, theo hướng liên tỉnh, liên vùng, dựa trên dữ liệu và nền tảng số; giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải; phát triển ngành công nghiệp môi trường, trọng tâm là công nghiệp tái chế nhằm giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Chất thải rắn được giảm thiểu phát sinh, gắn với sản xuất, tiêu dùng bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên; được phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái chế và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường dựa trên dữ liệu, nền tảng số.

- Hệ thống hạ tầng phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, được đầu tư đồng bộ với hạ tầng tái chế và xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện từng vùng, địa phương gắn với quy hoạch quản lý chất thải rắn liên tỉnh, liên vùng và đảm bảo sự liên kết giữa các địa phương.

- Thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thứ cấp từng bước được hình thành và phát triển, góp phần giảm khai thác tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và nâng cao sức cạnh tranh nền kinh tế; các khu vực ô nhiễm, suy thoái môi trường do chất thải rắn được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu cụ thể để giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược được tổng hợp ở Phụ lục I của dự thảo Chiến lược.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

Trong dự thảo Chiến lược đưa ra 06 nhiệm vụ chủ yếu, bao gồm:

- Giảm thiểu phát sinh chất thải, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Tăng cường phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển chất thải.
- Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và phát triển thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu từ chất thải.
- Phát triển hạ tầng và công nghệ tái chế, xử lý chất thải.

- Quản lý theo các nhóm chất thải điển hình (Chất thải rắn sinh hoạt, Chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại, Chất thải rắn xây dựng và phân bùn bể tự hoại, Chất thải nông nghiệp và chất thải làng nghề, Chất thải nhựa).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về quản lý chất thải rắn.

Các nội dung để triển khai 06 nhiệm vụ chủ yếu được cụ thể hóa tại dự thảo Chiến lược.

5. Giải pháp thực hiện

Trong dự thảo Chiến lược đưa ra 06 giải pháp thực hiện, bao gồm:

- Hoàn thiện thể chế, chính sách.
- Giải pháp tài chính.
- Giải pháp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và phát triển nguồn nhân lực.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng.
- Hợp tác quốc tế.

Các nội dung để triển khai 06 giải pháp được cụ thể hóa tại dự thảo Chiến lược.

6. Tổ chức thực hiện

Dự thảo Chiến lược dự kiến phân công trách nhiệm tới các Bộ, ngành, địa phương bao gồm: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chi tiết tại Dự thảo Chiến lược.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Chiến lược này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan, địa phương; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược được giao cho các Bộ, các cơ quan trung ương chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Chiến lược. Địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Chiến lược được giao cho các địa phương chủ trì.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất lộ trình thực hiện các chỉ tiêu của Chiến lược theo lộ trình đến năm 2035 nhằm bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nguồn lực thực hiện và yêu cầu phát triển của từng giai đoạn;

đồng thời tạo cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ kèm theo gồm: (1) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (2) Báo cáo tổng kết thi hành; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PTTg Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, MT.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng